

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-PT

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín

dụng, Hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Ông Trần Xuân Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 47/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V); địa chỉ trụ sở: Số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân.

Người được ông Phạm Tuấn A uỷ quyền: Ông Bùi Nguyên T, sinh năm 1989 - Chuyên viên xử lý nợ V; địa chỉ: 255G, đường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1985 và bà Hoàng Thúy H, sinh

năm 1986; đều trú tại: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ông C, bà H vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C: Ông Lại Văn T1, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ 19, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 05, khu đô thị P, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

3.2. Bà Trần Thị V1, sinh năm 1956; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3.3. Công ty TNHH T1 (sau đây viết tắt là Công ty T1); địa chỉ: số 64, đường K, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T - Giám đốc.

3.4. Công ty TNHH thương mại tổng hợp dệt may V (sau đây viết tắt là Công ty V2); địa chỉ: Thôn Thượng Hộ Trung, xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn C - Giám đốc.

3.5. Công ty TNHH HNL V2 (sau đây viết tắt là Công ty HNL); địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn C - Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn Ngân hàng V trình bày:* Ngân hàng thương mại cổ phần V ký kết hợp đồng tín dụng với ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H số LN1706050067174 ngày 07/6/2017, số tiền vay 919.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng từ ngày giải ngân 08/6/2017, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn 12,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần với mức điều chỉnh 5,5%/năm, lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô màu trắng nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER, biển kiểm soát 17A-080.15, giấy chứng nhận đăng ký xe số 012725 cấp ngày

07/6/2017 mang tên ông Phạm Văn C. Chi tiết theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1706050067174 ngày 07/6/2017 giữa V với ông C và bà H.

Ngày 08/5/2017, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho ông C và bà H 919.000.000 đồng theo yêu cầu của ông C, bà H vào tài khoản của Công ty T1 do ông Nguyễn Ngọc T làm Giám đốc để trả tiền mua xe của Công ty T1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 08/3/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 01/5/2020, ông C và bà H còn nợ V số tiền 766.404.166 đồng, trong đó nợ gốc là 612.649.882 đồng, nợ lãi: 145.240.852 đồng, phạt chậm trả lãi: 8.463.374 đồng. Tại phiên tòa, V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Buộc ông C, bà H phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với V, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số LN1706050067174 ngày 07/6/2017, với tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2021 là 971.929.170 đồng, trong đó nợ gốc là 612.649.882 đồng, nợ lãi: 316.583.386 đồng, phạt chậm trả lãi: 42.395.903 đồng.

- Yêu cầu Toà án tiếp tục tính lãi theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi ông C, bà H thực tế thanh toán hết nợ cho V.

- Đề nghị Toà án tuyên trong bản án: Ngân hàng V có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản của ông C, bà H để thu hồi nợ cho V, trong đó có tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô con màu trắng nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER biển kiểm soát 17A-080.15, giấy chứng nhận đăng ký xe số 012725 cấp ngày 07/6/2017 mang tên ông Phạm Văn C. Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông C và bà H để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo bản án, quyết định của Toà án cho đến khi ông C, bà H hết nghĩa vụ với V.

- Do trong quá trình giải quyết vụ án, V được biết giữa ông Phạm Văn C và Công ty T1 có hợp đồng mua bán xe ô tô con màu trắng nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER biển kiểm soát 17A-080.15 là tài sản đang được thế chấp để bảo đảm khoản vay tín dụng giữa ông C với V. Vì vậy, ngày 19/5/2021, V bổ sung yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô con màu trắng nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER biển kiểm soát 17A-080.15 giữa Công ty T1 và ông Phạm Văn C là giao dịch dân sự vô hiệu do ông C, bà H không có quyền bán tài sản đang được bảo đảm và không được V đồng ý.

** Bị đơn ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H trình bày:*

- Việc ký kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm như Ngân hàng trình bày là đúng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc đòi nợ là đúng, ông bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên, hiện nay ông bà không có khả năng thanh toán nợ với Ngân hàng nên đề nghị V xem xét miễn khoản tiền phạt chậm trả lãi và giảm 20% đến 30% khoản tiền nợ lãi. Đề nghị V xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp và quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông bà sẽ có nghĩa vụ trả nốt số nợ còn thiếu.

- Đề nghị V xem xét miễn khoản tiền lãi được tính từ sau ngày 11/5/2020 cho đến ngày ông bà thực tế thanh toán hết nợ cho V.

- Trường hợp V không tự bán tài sản bảo đảm thì V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án, tuy nhiên chỉ được yêu cầu cơ quan thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại đối với tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ cho V chứ không được quyền đề nghị cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông C, bà H để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo bản án, quyết định của Tòa án.

- Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER biển kiểm soát 17A-080.15 giữa ông C và Công ty T1: Ông C xác định chiếc xe là tài sản chung của ông C, bà H nhưng khi đưa ra yêu cầu khởi kiện bổ sung, Ngân hàng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa vợ chồng ông C và Công ty ông T có giao dịch mua bán trên mà chỉ dựa vào thông tin có được từ Tòa án về việc ông T xuất trình các bản hợp đồng thể hiện việc ông C, Công ty ông C và bà V1 bán xe thế chấp cho Công ty ông T nên không đặt ra việc có hay không tuyên bố giao dịch vô hiệu nên ông C đề nghị Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện bổ sung này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Công ty T1 - người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Công ty TNHH Thịnh Phát đề nghị Tòa án tuyên huỷ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 và huỷ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu đen, biển kiểm soát 17A-026.21 giữa Công ty T1 và ông Phạm Văn C. Buộc ông Phạm Văn C phải trả lại cho Công ty T1 số tiền 650.000.000 đồng còn nợ khi bán xe biển kiểm soát 17A-080.15 và buộc ông Phạm Văn C trả lại cho Công ty T1 số tiền 650.000.000 đồng còn nợ khi bán xe biển kiểm soát 17A

- 026.21. Tổng số tiền Công ty T1 yêu cầu ông C phải trả là 1.300.000.000 đồng. Tiền lãi của khoản tiền nợ từ tháng 10/2017 đến tháng 7/2021, tổng 44 tháng là: 684.450.000 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,35%/1 tháng đến khi ông C thanh toán hết khoản nợ cho Công ty T1.

Ngày 13/7/2021, Công ty T1 sửa đổi, bổ sung yêu cầu độc lập như sau:

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 17A-080.15 giữa Công ty T1 và ông Phạm Văn C là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 17A-080.15 giữa Công ty T1 và Công ty V2 là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17A-026.21 giữa Công ty T1 và Công ty HNL.

- Yêu cầu ông Phạm Văn C bồi thường thiệt hại đối với xe 17A-080.15 tính từ tháng 10/2017 đến tháng 7/2021 do phải trả lãi vay số tiền mua xe là 650.000.000 đồng $\times 1\% \times 45$ tháng = 292.500.000 đồng và hoàn trả số tiền mua xe là 650.000.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty HNL bồi thường thiệt hại đối với xe 17A-026.21 tính từ tháng 10/2017 đến tháng 7/2021 do phải trả lãi vay số tiền mua xe là 650.000.000 đồng $\times 1\% \times 45$ tháng = 292.500.000 đồng; chênh lệch giá xe 40.000.000 đồng/năm $\times 4$ năm = 160.000.000 đồng; phí đăng kiểm 340.000 đồng/năm $\times 4$ năm = 1.360.000 đồng; phí đường bộ 2.160.000 đồng/năm $\times 4$ năm = 8.640.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty HNL trả đăng ký xe 17A-026.21 và xuất hoá đơn, làm các thủ tục liên quan để sang tên xe cho Công ty T1. Công ty T1 sẽ thanh toán nốt 10.000.000 đồng còn chưa thanh toán đối với xe 17A-026.21.

Ngày 16/8/2021 và ngày 10/9/2021, Công ty T1 rút một phần yêu cầu độc lập về việc yêu cầu Công ty HNL và ông Phạm Văn C phải bồi thường thiệt hại đối với khoản tiền lãi do phải vay tiền để mua xe 17A-080.15 và xe 17A-026.21; khoản phí đường bộ, phí đăng kiểm và tiền chênh lệch giá xe.

Công ty T1 chỉ yêu cầu:

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 17A-080.15 giữa Công ty T1 và ông Phạm Văn C là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 17A-080.15 giữa Công ty T1 và Công ty V2 là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Yêu cầu ông Phạm Văn C phải trả cho Công ty T1 số tiền 650.000.000 đồng. Công ty T1 sẽ trả lại xe ô tô biển kiểm soát 17A-080.15 cho ông C.

- Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17A-026.21 giữa Công ty T1 và Công ty HNL.

- Yêu cầu Công ty HNL trả đăng ký xe 17A-026.21 và xuất hoá đơn, làm các thủ tục liên quan để sang tên xe cho Công ty T1. Công ty T1 sẽ thanh toán nốt 10.000.000 đồng còn chưa thanh toán đối với xe 17A-026.21.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V1 trình bày:*

Việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp xe ô tô giữa ông C, bà H với V không liên quan đến bà V1. Ông C, bà H không bán xe ô tô cho ông T. Số tiền 1.300.000.000 đồng là do bà V1 vay của ông T vào ngày 28/9/2017, khi vay tiền không viết giấy nhận nợ. Số tiền 1.300.000.000 đồng là cá nhân bà V1 vay ông T ngày 30/10/2017 không liên quan gì đến Công ty V2 và Công ty HNL, cũng không liên quan đến vợ chồng ông C. Lý do ông C ký nhận vào giấy vay nợ của bà V1 là do ông T bắt ông C phải ký. Bà V1 đã vay của ông C 800.000.000 đồng để trả nợ cho ông T vào ngày 19, 20/11/2017.

Bà V1 không ký giấy bán xe ô tô nào hết, mà do ông T đã làm thành hồ sơ mua bán xe có chữ ký của bà V1 vào ngày 30/10/2017 là không có thật và món nợ bà V1 vay 1.300.000.000 đồng, nội dung đã trả ngày 19 và 20/11/2017 do ông C trả hộ. Việc bà V1 vay nợ không trả được thì ông T có quyền khởi kiện ra Toà án, còn việc ông T đưa xã hội đen đến nhà ông C cưỡng đoạt 02 chiếc xe ô tô của ông C, công bố bắt món nợ của bà V1 nên đề nghị Toà án xem xét buộc ông T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình ông C do phải đi thuê xe 25.000.000 đồng/tháng/1 xe (thuê 02 xe ô tô) để lấy xe đi làm tính từ ngày 28/01/2018.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty V2 và Công ty HNL - Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn C trình bày:*

- Về yêu cầu độc lập của Công ty T1: Ngày 01/7/2021, Công ty V2, Công ty HNL nhận được thông báo về việc Tòa án đưa Công ty V2 và Công ty HNL vào tham gia tố tụng và thông báo về việc thụ lý yêu cầu độc lập về việc Công ty của ông T yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng mua bán xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 của Công ty V2 cho Công ty T1 và hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, biển kiểm soát 17A-026.21 của Công ty HNL cho Công ty T1. Ông C khẳng định Công ty V2 không phải là chủ sở hữu chiếc xe biển kiểm soát 17A-080.15 mà là tài sản cá nhân của ông C, bà H. Ông C cho rằng đây là vụ kiện tranh chấp kinh doanh thương mại, trong đó tài sản thế chấp chỉ là xe biển kiểm soát 17A-

080.15, không liên quan gì đến xe 17A-026.21 của Công ty HNL. Việc có hay không giao dịch bán xe 17A-026.21 là nằm ngoài phạm vi giải quyết của vụ án. Vì vậy, ông C cho rằng việc đưa Công ty V2 và Công ty HNL vào tham gia tố tụng là không đúng nên không đặt ra việc giải quyết tuyên hay không tuyên giao dịch vô hiệu và sửa đổi, huỷ bỏ việc thụ lý yêu cầu độc lập của Công ty T1.

Công ty V2 và Công ty HNL hoàn toàn không có giao dịch bán 02 xe ô tô biển kiểm soát 17A-080.15 và 17A-026.21 cho Công ty T1 như ông T trình bày. Việc tồn tại 03 hợp đồng nêu trên là do ông T dùng thủ đoạn là không huỷ bỏ các bộ hợp đồng công ty may Việt Anh và Công ty HNL bán xe mà cố tình giữ lại, sau đó cùng với việc sử dụng tờ giấy A4 trắng, ông C và bà V1 ký nhận nợ 1.300.000.000 đồng để biến thành các Hợp đồng bán xe để hợp thức hoá cho việc cưỡng đoạt 02 chiếc xe trên.

Về chữ ký, chữ viết, con dấu trong các bộ hợp đồng thì tất cả đều là chữ ký, chữ viết của cá nhân ông C và Công ty của ông C. Do vậy, ông C không tố giác việc ông T làm giả Hợp đồng bằng cách giả mạo chữ ký, chữ viết, con dấu mà tố giác ông T dùng thủ đoạn là không huỷ bỏ các bộ hợp đồng của Công ty V2 và Công ty HNL bán xe mà cố tình giữ lại để hợp thức hoá cho việc cưỡng đoạt 02 xe. Nên việc cơ quan Công an giám định chữ ký, chữ viết, con dấu của ông C để đưa ra kết luận tố giác là không đúng với đơn tố giác. Điều này đồng nghĩa với việc nội dung ông C tố giác trong đơn vẫn chưa được giải quyết. Ông C cho rằng trong vụ án này có dấu hiệu của vụ án lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên đề nghị Toà án tạm đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an để điều tra, xác minh theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 123, Điều 142, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 10 thông tư 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H:

1.1. Chấp nhận hiệu lực hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa V

với ông C, bà H. Buộc ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng V, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số LN1706050067174 ngày 07/6/2017, với tổng số tiền tính đến ngày 16/9/2021 là 971.929.170 đồng, trong đó nợ gốc là 612.649.882 đồng, nợ lãi: 316.583.386 đồng, phạt chậm trả lãi: 42.395.903 đồng. Tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số LN1706050067174 ngày 07/6/2017 được tiếp tục tính kể từ ngày 16/9/2021 cho đến khi ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H thực tế thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng. Nếu ông C và bà H không trả nợ thì Ngân hàng V có quyền xử lý tài sản thế chấp là chiếc ô tô TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 theo quy định tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1706050067174 ngày 07/6/2017 giữa V với ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

1.3. Tuyên bố Hợp đồng mua ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 ngày 30/10/2017 giữa Công ty TNHH T1 và ông Phạm Văn C là giao dịch dân sự vô hiệu.

1.4. Tuyên bố Hợp đồng mua bán ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 ngày 30/10/2017, giữa Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH thương mại tổng hợp dệt may V là giao dịch dân sự vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ngân hàng V về việc Ngân hàng yêu cầu tuyên trong bản án như sau: “Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo bản án, quyết định của Tòa án cho đến khi ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H hết nghĩa vụ với V” do các bên không có thỏa thuận này trong hợp đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH T1 đối với ông Phạm Văn C, Công ty TNHH thương mại tổng hợp dệt may V và Công ty TNHH HNL V2 :

3.1. Tuyên bố Hợp đồng mua bán ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER

màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 ngày 30/10/2017 giữa Công ty T1 và ông Phạm Văn C là giao dịch dân sự vô hiệu.

3.2. Tuyên bố Hợp đồng mua bán ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 ngày 30/10/2017, giữa Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH thương mại tổng hợp dệt may V là giao dịch dân sự vô hiệu.

3.3. Buộc Công ty TNHH T1 phải hoàn trả cho ông Phạm Văn C chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15, số khung 8GSA4H0603247, số máy A2798412TR. Buộc ông Phạm Văn C phải hoàn trả cho Công ty TNHH T1 số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) đã nhận của Công ty TNHH T1.

3.4. Đình chỉ yêu cầu độc lập về bồi thường thiệt hại của Công ty TNHH T1 đối với ông Phạm Văn C, do Công ty TNHH T1 có đơn xin rút yêu cầu.

3.5. Buộc Công ty TNHH T1 và Công ty HNL tiếp tục thực hiện hợp đồng mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu đen, biển kiểm soát 17A-026.21, số khung 9006277, số máy 7690552, ngày 30/10/2017. Buộc Công ty TNHH T1 tiếp tục trả cho Công ty TNHH HNL V2 10.000.000 đồng. Buộc Công ty TNHH HNL V2 phải trả cho Công ty TNHH T1 đăng ký xe 17A-026.21 và xuất hóa đơn, làm các thủ tục liên quan để sang tên xe 17A-026.21 cho Công ty TNHH T1.

3.6. Đình chỉ yêu cầu độc lập về bồi thường thiệt hại của Công ty TNHH T1 đối với Công ty TNHH HNL Việt Nam, do Công ty TNHH T1 có đơn xin rút yêu cầu.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc T, do ông T có đơn xin rút yêu cầu.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, mức lãi suất tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2021, ông Lại Văn T1 người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 22/11/2021, ông Phạm Văn C trình bày cụ thể yêu cầu kháng cáo:

- Về thủ tục tố tụng: Vi phạm việc thu thập chứng cứ, ông C đã ủy quyền

cho ông T1 tham gia tố tụng vì điều kiện công việc của ông C không có mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư không bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ của người được ủy quyền. Ông C không được Tòa án cho phô tạc tài liệu hồ sơ để tự bảo vệ quyền lợi của cá nhân ông C, bà H là việc vi phạm thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Ông Phạm Văn C chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư đối với yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, ông C trình bày do thời điểm hiện tại cá nhân ông C cũng như Công ty của ông C đang gặp khó khăn về kinh tế, không có khả năng thanh toán khoản nợ nên ông C đề nghị V xem xét miễn khoản tiền phạt chậm trả lãi là 8.463.374 đồng và giảm 20% đến 30% khoản tiền nợ lãi. Ông C không chấp nhận phần nhận định của bản án sơ thẩm tại phần xét về nội dung trang 15 của bản án, bởi lẽ phần nhận định không dẫn chứng vì sao Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng việc ký kết như thế nào, số tiền vay, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Bởi vì chính không nhận định ngày tháng năm của hợp đồng tín dụng này, việc chuyển khoản số tiền 919.000.000 đồng từ Ngân hàng vào tài khoản của Công ty T1 vào ngày 08/6/2017 để cho thấy lời trình bày của ông C về việc ông T đã dùng thủ đoạn để lừa dối ông C ký kết các Hợp đồng mua bán xe vào ngày 30/10/2017 là có dấu hiệu tội phạm hình sự. Bởi thực chất ông T và Công ty T1 đã dùng thủ đoạn biện pháp để chuyển từ việc vay nợ cá nhân giữa bà V1 và ông T thành Hợp đồng mua bán xe ô tô 17A-080.15 do ông T biết ông C là con nuôi bà V1 đã ép buộc, cưỡng bức ông C, công nhiên chiếm đoạt xe ô tô của ông C. Vì vậy, phải tuyên bố giao dịch dân sự trên vô hiệu do bị đe dọa cưỡng ép theo Điều 127 Bộ luật dân sự. Tòa án huyện Vũ Thư áp dụng Điều 123 Bộ luật dân sự là không đúng quan hệ pháp luật.

Tại phần Quyết định của bản án trang 21, mục 5.2 và 5.3 tuyên trả lại cho ông T và Công ty T1 tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đều là 300.000 đồng cho thấy việc Tòa án Vũ Thư cho nộp tiền tạm ứng đối với yêu cầu độc lập của ông T là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông C vắng mặt nhưng gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, V và ông Nguyễn Ngọc T không đồng ý với kháng cáo của ông Phạm Văn C, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến

hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn C. Tuy nhiên, tại mục 1.1 trong phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về thời điểm tính lãi suất của số tiền còn phải thi hành án từ ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2021 là không đúng và bị trùng lặp với mục 1.2 nên cần sửa về thời điểm tính lãi suất trong bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Phạm Văn C làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Văn C:

[2.1] Về trình tự, thủ tục tiếp cận chứng cứ của đương sự thì thấy: Các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được công bố công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/6/2021 và ngày 13/7/2021, bị đơn ông C đều có mặt tại phiên họp. Ông C muốn sao chụp tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp thì phải làm đơn đề nghị sao chụp, gửi cho Thẩm phán. Tuy nhiên, trong hồ sơ không thể hiện có nội dung đơn xin sao chụp tài liệu, chứng cứ mà Thẩm phán từ chối không cho sao chụp. Ông Lại Văn T1 được ông Phạm Văn C ủy quyền tham gia tố tụng từ ngày 24/8/2021, nên bắt đầu từ giai đoạn đưa vụ án ra xét xử ông T1 đều được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập tham gia tố tụng tại các phiên tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm. Vì vậy, không có căn cứ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng, không cho phô tô tài liệu để tự bảo vệ quyền lợi của ông C, bà H, không đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của người được ủy quyền.

[2.2] Xét kháng cáo về nội dung vụ án:

[2.2.1] Về quan hệ hợp đồng tín dụng: Ông C, bà H đều thừa nhận quá trình ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với V là đúng trình tự, thủ tục. Thừa nhận về việc ông C, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V về việc phải có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi

chậm trả và đồng ý để V xử lý tài sản bảo đảm đối với chiếc xe ô tô 17A-080.15 theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đã ký kết với V. Ông C đề nghị V xem xét miễn khoản tiền phạt chậm trả lãi là 8.463.374 đồng và giảm 20% đến 30% khoản tiền nợ lãi do hiện tại cá nhân ông C không có khả năng thanh toán. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên các phán quyết của bản án sơ thẩm đã tuyên nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C về vấn đề này.

[2.2.2] Về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản: ông C kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét về quá trình tạo lập 03 Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông C, Công ty V2 với Công ty T1 và giữa Công ty HNL với Công ty T1 là có dấu hiệu lừa đảo để chiếm đoạt 02 chiếc xe ô tô của ông C và Công ty HNL. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự để chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình để điều tra vụ việc do có dấu hiệu hình sự hoặc hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Tuy nhiên, ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về việc này, bởi bản thân ông C cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết đúng là của ông C, bà V1 và con dấu là của Công ty ông C. Mặt khác, tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 07/QĐ ngày 20/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã nhận định: Nội dung ông Phạm Văn C tố giác ông Nguyễn Ngọc T có hành vi làm giả một số giấy tờ, tài liệu để hợp thức hóa hợp đồng mua bán xe và chiếm đoạt trái pháp luật 02 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17A-080.15 và 17A-026.21 là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về tính hợp pháp của các Hợp đồng mua bán xe ô tô để tuyên Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 17A-080.15 ngày 30/10/2017 giữa ông Phạm Văn C, Công ty V2 với Công ty T1 là giao dịch dân sự vô hiệu và tuyên các bên tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 17A-026.21 là đúng pháp luật. Do các hợp đồng mua bán xe ô tô liên quan đến nhau, hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 17A-080.15 liên quan đến tài sản bảo đảm theo Hợp đồng tín dụng giữa ông C, bà H với V nên việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu độc lập của Công ty T1 và đưa Công ty V2, Công ty HNL vào tham gia tố tụng là đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của ông C.

[2.2.3] Yêu cầu độc lập của Công ty T1 và ông Nguyễn Ngọc T là tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản vô hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 24 và điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho Công ty T1 và ông T nộp tạm ứng án phí

300.000 đồng là đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy tại mục 1.1 phần Quyết định của bản án sơ thẩm xác định thời điểm tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng số LN1706050067174 ngày 07/6/2017 kể từ ngày 16/9/2021 (ngày tuyên án) là không đúng pháp luật và có sự trùng lặp với mục 1.2 tại phần Quyết định của bản án. Mặt khác, bản án sơ thẩm không tuyên về nghĩa vụ tiếp tục trả nợ của ông C, bà H nếu trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V là chưa đảm bảo về quyền yêu cầu thi hành án của V. Cũng trong phần quyết định của bản án không công nhận hiệu lực của hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu đen, biển kiểm soát 17A-026.21 giữa Công ty HNL và Công ty T1 ngày 30/10/2017 là hợp pháp và không xác định quyền sở hữu tài sản cho Công ty T1 sẽ làm ảnh hưởng đến quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Do vậy, cần sửa lại cách tuyên trong bản án như nhận định nêu trên.

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 123, Điều 142, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H:

1.1.1 Chấp nhận hiệu lực hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa V với ông C, bà H. Buộc ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng V, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số LN1706050067174 ngày 07/6/2017, với tổng số tiền tính đến ngày 16/9/2021 là 971.929.170 đồng, trong đó nợ gốc là 612.649.882 đồng, nợ lãi: 316.583.386 đồng, phạt chậm trả lãi: 42.395.903 đồng.

Nếu ông C và bà H không trả nợ thì Ngân hàng V có quyền xử lý tài sản

thể chấp là chiếc ô tô TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 theo quy định tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1706050067174 ngày 07/6/2017 giữa V với ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông C, bà H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V cho đến khi khoản nợ được tất toán.

1.1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của ngân hàng V về việc Ngân hàng yêu cầu tuyên trong bản án như sau: “Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo bản án, quyết định của Tòa án cho đến khi ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thúy H hết nghĩa vụ với V” do các bên không có thỏa thuận này trong hợp đồng.

1.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V và yêu cầu độc lập của Công ty TNHH T1 đối với ông Phạm Văn C, Công ty TNHH thương mại tổng hợp dệt may V và Công ty TNHH HNL V2 :

1.3.1. Tuyên bố Hợp đồng mua bán ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 ngày 30/10/2017 giữa Công ty TNHH T1 và ông Phạm Văn C là giao dịch dân sự vô hiệu.

1.3.2. Tuyên bố Hợp đồng mua bán ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15 ngày 30/10/2017, giữa Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH thương mại tổng hợp dệt may V là giao dịch dân sự vô hiệu.

1.3.3. Buộc Công ty TNHH T1 phải hoàn trả cho ông Phạm Văn C chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu trắng, biển kiểm soát 17A-080.15, số khung 8GSA4H0603247, số máy A2798412TR. Buộc ông Phạm Văn C phải hoàn trả cho Công ty TNHH T1 số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) đã nhận của Công ty TNHH T1.

1.3.4. Đình chỉ yêu cầu độc lập về bồi thường thiệt hại của Công ty TNHH T1 đối với ông Phạm Văn C, do Công ty TNHH T1 có đơn xin rút yêu cầu.

1.3.5. Công nhận hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu đen, biển kiểm soát 17A-026.21, số khung 9006277, số máy 7690552, giữa Công ty TNHH HNL V2 và Công ty TNHH T1 ngày 30/10/2017 là hợp pháp. Xác định xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu đen, biển kiểm soát 17A-026.21 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T1. Buộc Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH HNL V2 tiếp tục thực hiện hợp đồng mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER màu đen, biển kiểm soát 17A-026.21 ngày 30/10/2017. Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH HNL V2 10.000.000 đồng. Buộc Công ty TNHH HNL V2 phải trả cho Công ty TNHH T1 đăng ký xe 17A-026.21 và xuất hóa đơn, làm các thủ tục liên quan để sang tên xe 17A-026.21 cho Công ty TNHH T1.

1.3.6. Đình chỉ yêu cầu độc lập về bồi thường thiệt hại của Công ty TNHH T1 đối với Công ty TNHH HNL V2, do Công ty TNHH T1 có đơn xin rút yêu cầu.

1.4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc T, do ông T có đơn xin rút yêu cầu.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, mức lãi suất tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc ông Phạm Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông C đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0000916 ngày 04 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí phúc thẩm cho ông C.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 25/3/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND h. Vũ Thư;
- Chi cục THADS h. Vũ Thư;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà